TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 02209

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 11-12

Môn Học : Công nghệ chế biến và BQ sữa (210330) - Số Tín Chỉ: 3 Ngày Thi : 29/11/2011 Giờ thi: 09g30 - phút Phòng thi RD106 Nhóm Thi : Nhóm 02 - Tổ 001 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi %	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	09148021	DOÃN HOÀNG BẢO	DUY	DH08DD	1			26	24	5,0	5	0
2	08156014	LÊ THỊ THANH	DUYÊN	DH08VT	1			6	44	8,0	8	0
3	09156015	PHAN THỊ	HẰNG	DH09VT	1			39	42	7,5	7	5
4	09125047	LÊ KIM	HIỀN	DH09BQ	1			31	39	7,0	7	0
5	09148061	NGUYỄN THANH	HOÀNG	DH08DD	1			24	26	5,0	5	0
6	09125054	ĐỖ THỊ	HỒNG	DH09BQ	1			29	36	6,5	6	5
7	09156025	BÙI THỊ	HƯƠNG	DH09VT	1			31	34	6,5	6	5
8	08125081	NGUYỄN THỊ	HƯƠNG	DH08BQ	1			31	29	7,0	7	0
9	09148061	VŨ THỊ	HƯƠNG	DH09DD	1			30	40	7,0	7	0
10	09156030	LÊ THỊ MAI	LINH	DH09VT	1			29	41	7,0	7	0
11	09125094	ĐẶNG ĐÌNH TOÀN	MỸ	DH09BQ	1			25	25	5,0	5	0
12	09156046	PHAN THỊ THANH	NHÀN	DH09VT	1			26	32	5,8	5	8
13	09148112	NGUYỄN THỊ HỒNG	NHUNG	DH09DD	1			25	35	6,0	6	0
14	09125122	NGUYỄN TRÚC	PHƯƠNG	DH09BQ	1			31	37	7,0	7	0
15	09148125	PHAN THỊ	QUÝ	DH09DD	1			27	33	6,0	6	0
16	09148124	VŨ NGỌC TÚ	QUỲNH	DH09DD	1			31	33	6,2	6	2
17	09156070	VÕ NGỌC	THẠCH	DH09VT	1			25	27	5,2	5	2
18	09125152	DOÃN THỊ MINH	THANH	DH09BQ	1			31	34	6,5	6	5

Số bài: 18 Số tờ: 18

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày tháng năm

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2
Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

Ngô Minh Hiền

Hồ Thị Nguyệt Thu

Trương Thanh Long

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 02209

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 11-12

Môn Học : Công nghệ chế biến và BQ sữ (210330) - Số Tín Chỉ: 3 Ngày Thi : 29/11/2011 Giờ thi: 09g30 - phút Phòng thi RD106 Nhóm Thi : Nhóm 02 - Tổ 001 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (%)	Đ2 (%)	Điểm thi (%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
19	09148150	ĐẶNG THỊ HỒNG	THẮM	DH09DD	1			2.2	3.3	5,5	5	5
20	09156076	NGUYỄN THỊ HỒNG	THẮNG	DH09VT	1			3.7	4.5	8,2	8	2
21	09156078	NGUYỄN LƯƠNG	THIỆN	DH09VT	1			3.3	4.2	7,5	7	5
22	09156087	NGUYỄN THỊ THU	THỦY	DH09VT	1			3.4	4.6	8,0	8	0
23	09156090	TRẦN HỒNG	THƯ	DH09VT	1			3.8	4.3	8,0	8	0
24	09148167	ĐINH THỊ	TIÊN	DH09DD	1			3.1	4.1	7,0	7	0
25	09125182	HÀ TRẦN THẢO	TRANG	DH09BQ	1			3.6	4.4	8,0	8	0
26	09125185	TRẦN THỊ THU	TRANG	DH09BQ	1			3.1	3.9	7,0	7	0
27	09125186	HUỲNH THỊ MINH	TRÂM	DH09BQ	1			3.8	4.4	8,2	8	2
28	08156105	NGUYỄN THANH	TÙNG	DH08VT	1			2.4	3.2	5,6	5	6
29	09125206	TRẦN THỊ	TUYẾT	DH09BQ	1			3.2	3.3	6,5	6	5

Số bài: 29 Số tờ: 29

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2; Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Hồ Thị Nguyệt Thu

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày tháng năm

Trương Thanh Long

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 02197

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 11-12

Môn Học : Khoa học về thịt & CN CB thịt (210308) - Số Tín Chỉ: 4 Ngày Thi : 06/12/11 Giờ thi: 12g15 - phút Phòng thi RD304 Nhóm Thi : Nhóm 01 - Tổ 002 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (%)	Đ2 (%)	Điểm thi (%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	08148114	PHẠM HOÀNG YẾN	NHUNG	DH08DD	1		96		74	8,5	8	5
2	08148118	NGUYỄN THỊ MỸ	NƯƠNG	DH08DD	1		94		66	8,0	8	0
3	08125145	NGUYỄN XUÂN	OANH	DH08BQ	1		89		61	7,5	7	5
4	08148123	LÂM TẤN	PHÁT	DH08DD	1		91		65	7,8	7	8
5	08148128	NGUYỄN NGỌC DIỄM	PHÚC	DH08DD	1		93		63	7,8	7	8
6	08125153	TRẦN THỊ THÚY	PHƯƠNG	DH08BQ	1		93		77	8,4	8	4
7	08125154	BÙI THỊ DIỄM	PHƯỢNG	DH08BQ	1		97		64	7,8	7	8
8	08125155	DƯƠNG THỊ THU	PHƯỢNG	DH08BQ	1		92		60	7,2	7	2
9	08125156	LÊ NGUYỄN ĐAN	PHƯỢNG	DH08BQ	1		84		79	8,2	8	2
10	08125160	LÊ THỊ	QUYÊN	DH08BQ	1		97		57	7,2	7	2
11	08125161	TRẦN THỊ THÚY	QUYÊN	DH08BQ	1		87		59	7,3	7	3
12	08148138	ĐỖ THỊ NHƯ	QUỲNH	DH08DD	1		95		75	8,5	8	5
13	08148151	TRẦN THỊ MỸ	THANH	DH08DD	1		95		77	8,6	8	6
14	08125183	NGUYỄN MINH	THÀNH	DH08BQ	1		95		52	6,7	6	7
15	08125186	PHẠM THỊ MỸ	THẠNH	DH08BQ	1		82		56	7,0	7	0
16	08125188	NGUYỄN THỊ	THÊM	DH08BQ	1		84		71	8,5	8	5
17	08125192	ĐOÀN THỊ MỘNG	THU	DH08BQ	1		99		71	8,5	8	5
18	08148167	LƯU HỒ NHƯ	THUỲ	DH08DD	1		95		77	8,6	8	6
					1		81		59	7,0	7	0

Số bài: 28 ; Số tờ: 28

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2; Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

Cán bộ coi thi 1&2

Nguyễn Minh Hiền

Phạm Thị Thuyền

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Hồ Thị Nguyệt Thu

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày tháng năm

Trương Thanh Long

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 02197

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 11-12

Môn Học : Khoa học về thị hiếu (210108) - Số Tín Chỉ: 4 Ngày Thi : 06/12/11 Giờ thi: 12g15 - phút Phòng thi RD304 Nhóm Thi : Nhóm 01 - Tổ 002 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (%)	Đ2 (%)	Điểm thi (%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
19	08125201	NGUYỄN THỊ	THƯƠNG	DH08BQ	1		94		66	8,0	8	0
20	08148179	VÕ THỊ HÀ	TIÊN	DH08DD	1		91		65	7,8	7	8
21	08125206	NGUYỄN THANH	TOÀN	DH08BQ	1		95		75	8,5	8	5
22	08148185	HUỲNH THỊ KIỀU	TRANG	DH08DD	1		85		59	7,2	7	2
23	08148191	NGUYỄN THỊ THÙY	TRANG	DH08DD	1		74		46	6,0	6	0
24	08125214	LÂM HOÀNG THÚY	TRÂM	DH08BQ	1		90		62	7,6	7	6
25	08125228	LƯU HỒNG	TUYẾN	DH08BQ	1		90		70	8,0	8	0
26	08148211	PHẠM THỊ	TUYẾT	DH08DD	1		86		64	7,5	7	5
27	08125241	LÊ THỊ DIỄM	XUÂN	DH08BQ	1		88		62	7,5	7	5
28	08148224	TRẦN KIM NGỌC	YẾN	DH08DD	1		89		61	7,5	7	5

Số bài:.....28.....; Số tờ:.....4.....

Ghi chú: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2; Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

Cán bộ coi thi 1&2

Nguyễn Minh Thiện

Phạm Thị Thuyền

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Trần Thị Nguyệt Thu

Cán bộ chấm thi 1&2

Trương Thanh Long

Ngày tháng năm

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP.HCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 02208

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 11-12

Môn Học : Công nghệ chế biến và BQ sữa (210330) - Số Tín Chỉ: 3 Ngày Thi : 29/11/2011 Giờ thi: 09g30 - phút Phòng thi TV201 Nhóm Thi : Nhóm 01 - Tổ 001 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (%)	Đ2 (%)	Điểm thi (%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	09125001	HUỲNH CỬU LONG	AN	DH09BQ				5,5	4,1	7,2	7	2
2	08156002	NGUYỄN THỊ THÚY	AN	DH08VT				5,9	4,2	7,3	7	3
3	08125004	ĐỖ THỊ VÂN	ANH	DH08BQ				3,3	4,2	7,5	7	5
4	09148002	TRẦN THỊ PHƯƠNG	ANH	DH09DD					3,7	6,5	6	5
5	08125007	NGUYỄN THỊ NGUYỆT	ÁNH	DH08BQ				4,4	4,6	8,0	8	0
6	08125011	HỒ THỊ KIM	BẰNG	DH08BQ				3,6	4,9	8,5	8	5
7	08125018	NGUYỄN THỊ KIM	CÚC	DH08BQ					4,5	8,2	8	2
8	08125019	LÊ THỊ	CƯƠNG	DH08BQ				3,0	3,5	6,5	6	5
9	09125021	VÕ QUỐC	CƯỜNG	DH09BQ				2,7	3,8	6,5	6	5
10	09148012	VÕ THÀNH	DANH	DH09DD				3,9	4,2	7,5	7	5
11	09148013	VÕ THỊ HỒNG	DIỄM	DH09DD				3,5	4,4	7,9	7	9
12	08125024	NGUYỄN HOÀNG NGỌC	DIỆP	DH08BQ				2,8	3,6	6,4	6	4
13	08125026	HÀ THỊ THÙY	DUNG	DH08BQ				2,7	3,6	6,3	6	3
14	09148016	NGUYỄN THỊ KIM	DUYÊN	DH09DD				2,7	3,5	6,2	6	2
15	08125035	LÊ VĂN	ĐIỆP	DH08BQ				2,9	3,6	6,5	6	5
16	09148027	HUỲNH	GIAO	DH09DD				2,8	2,7	5,5	5	5
17	08125044	NGUYỄN THỊ HUỲNH	GIAO	DH08BQ				3,1	4,1	7,2	7	2
18	08125046	LÊ THU	HÀ	DH08BQ				3,7	4,3	8,0	8	0

Số bài: 18 ; Số tờ: .....

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2; Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Hồ Thị Nguyệt Thu

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày tháng năm

Trương Thanh Long

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 02208

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 11-12

Môn Học : Công nghệ chế biến và BQ sữa (210330) - Số Tín Chỉ: 3 Ngày Thi : 29/11/2011 Giờ thi: 09g30 - phút Phòng thi TV201 Nhóm Thi : Nhóm 01 - Tổ 001 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (%)	Đ2 (%)	Điểm thi (%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
19	09125038	TRẦN THỊ THU	HÀ	DH09BQ				29	41	7,4	7	4
20	08125051	NGUYỄN THỊ HỒNG	HẠNH	DH08BQ				35	40	7,5	7	5
21	09125041	PHAN THỊ MỸ	HẠNH	DH09BQ				32	36	6,8	6	8
22	08125048	DƯƠNG ANH	HÀO	DH08BQ				26	28	5,4	5	4
23	09125044	MAI THỊ XUÂN	HẰNG	DH09BQ				33	35	5,8	5	8
24	08125059	BÙI HẢI	HẬU	DH08BQ				38	40	7,8	7	8
25	08125061	CAO THỊ NGỌC	HIỀN	DH08BQ				35	40	7,5	7	5
26	09148042	LÊ THỊ THANH	HOA	DH09DD				27	28	6,5	6	5
27	08125069	PHẠM THỊ	HOÀ	DH08BQ				36	44	8,0	8	0
28	09148047	NGUYỄN THỊ NGỌC	HOÀNH	DH09DD				31	39	7,0	7	0
29	08125079	TRẦN NGUYỄN QUANG	HUY	DH08BQ				25	25	5,0	5	0
30	08156024	TRẦN TIẾN	HUYỀN	DH08VT				38	40	7,8	7	8
31	09125064	LÊ THỊ THU	HƯƠNG	DH09BQ				25	35	6,0	6	0
32	08125082	MAI THỊ	HƯƠNG	DH08BQ				37	42	7,9	7	9
33	08125085	NGUYỄN THỊ KIM	HƯƠNG	DH08BQ				39	41	8,0	8	0
34	08156031	TRƯƠNG THỊ	HƯỜNG	DH08VT				38	43	8,1	8	1
35	08125091	TRẦN MINH	KHOA	DH08BQ				35	40	7,5	7	5
36	09125069	LÊ CAO	KHÔI	DH09BQ				25	33	5,8	5	8

Số bài: 36 ; Số tờ:.....

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2; Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày tháng năm

Trương Thanh Long

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 02208

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 11-12

Môn Học : Công nghệ chế biến và BQ sữa (210330) - Số Tín Chỉ: 3 Ngày Thi : 29/11/2011 Giờ thi: 09g30 - phút Phòng thi TV201 Nhóm Thi : Nhóm 01 - Tổ 001 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (10%)	Đ2 (30%)	Điểm thi (60%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
37	08125096	TRẦN ANH	KIỆT	DH08BQ				32	41	7,5	7	5
38	08125099	NGUYỄN THỊ	LAN	DH08BQ				32	58	6,10	6	10
39	09148069	DƯƠNG THỊ THANH	LỄ	DH09DD				25	35	6,0	6	0
40	08125106	NGUYỄN VĂN	LINH	DH08BQ				30	40	7,0	7	0
41	09156031	PHẠM THỊ PHƯƠNG	LINH	DH09VT				29	38	6,7	6	7
42	09125078	NGUYỄN THỊ KIM	LOAN	DH09BQ				31	39	7,0	7	0
43	08125114	NGUYỄN THÀNH	LUÂN	DH08BQ				32	40	7,2	7	2
44	09125088	NGUYỄN KIỀU TRÚC	LY	DH09BQ				24	31	5,5	5	5
45	09125090	NGUYỄN THỊ MỸ	MẾN	DH09BQ				28	37	6,5	6	5
46	09125098	BIỆN THỊ KIM	NGÂN	DH09BQ				29	36	6,5	6	5
47	08125134	LÊ THỊ BẠCH	NGỌC	DH08BQ				36	49	8,5	8	5
48	08125137	VÕ HOÀNG CHÂU	NGỌC	DH08BQ				34	45	8,5	8	5
49	09125104	PHAN THỊ	NHÃ	DH09BQ				27	23	5,0	5	0
50	08125141	VŨ TUYẾT	NHUNG	DH08BQ				25	32	5,7	5	7
51	09156050	NGUYỄN HẢI QUỲNH	NHƯ	DH09VT				22	35	6,0	6	0
52	09156052	TRƯƠNG THỊ KIỀU	NHƯ	DH09VT				24	36	6,2	6	2
53	08125145	NGUYỄN XUÂN	OANH	DH08BQ				35	45	8,0	8	0
54	09125117	NGUYỄN VĂN	PHÚC	DH09BQ				28	42	8,0	8	0

Số bài: 17 Số tờ:

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2; Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày tháng năm

Hồ Thị Nguyệt Thu

Trương Thanh Long

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 02208

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 11-12

Môn Học : Công nghệ chế biến và BQ sữa (210330) - Số Tín Chỉ: 3 Ngày Thi : 29/11/2011 Giờ thi: 09g30 - phút Phòng thi TV201 Nhóm Thi : Nhóm 01 - Tổ 001 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (%)	Đ2 (%)	Điểm thi (%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
55	09148118	PHẠM THẾ	PHỤNG	DH09DD					35	6,0	6	0
56	08125153	TRẦN THỊ THÚY	PHƯƠNG	DH08BQ					48	8,2	8	2
57	08125155	DƯƠNG THỊ THU	PHƯƠNG	DH08BQ					44	7,9	7	9
58	08125156	LÊ NGUYỄN ĐAN	PHƯỢNG	DH08BQ					42	7,5	7	5
59	08125161	TRẦN THỊ THÚY	QUYÊN	DH08BQ					53	8,9	8	9
60	09125131	PHẠM THỊ	QUYÊN	DH09BQ					44	8,0	8	0
61	08125164	HUỲNH THANH	SANG	DH08BQ					56	9,0	9	0
62	09148126	ĐẶNG VĂN	SANH	DH09DD					40	7,5	7	5
63	08125146	LƠMU	SIMÉON	DH08BQ					30	5,5	5	5
64	08125167	NGUYỄN TRỌNG	SƠN	DH08BQ					20	4,0	4	0
65	08125177	NGUYỄN THỊ	THANH	DH08BQ					35	6,2	6	2
66	08125178	NGUYỄN THỊ CHÍ	THANH	DH08BQ					46	8,0	8	0
67	09125156	TRẦN TRÚC	THANH	DH09BQ					48	8,5	8	5
68	08125186	PHẠM THỊ MỸ	THANH	DH08BQ					42	8,0	8	0
69	09125159	NGUYỄN THỊ THANH	THẢO	DH09BQ					47	8,3	8	3
70	09125163	ĐINH THỊ HỒNG	THẮM	DH09BQ					47	8,2	8	2
71	08125188	NGUYỄN THỊ	THÊM	DH08BQ					42	7,5	7	5
72	09125165	TRẦN VĂN	THIỆU	DH09BQ					36	6,2	6	2

Số bài: 72 ..., Số tờ:.....

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;
Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày tháng năm

Trần Thanh Long

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 02208

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 11-12

Môn Học : Công nghệ chế biến và BQ sữa (210330) - Số Tín Chỉ: 3 Ngày Thi : 29/11/2011 Giờ thi: 09g30 - phút Phòng thi TV201 Nhóm Thi : Nhóm 01 - Tổ 001 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (%)	Đ2 (%)	Điểm thi (%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
73	08125189	NGUYỄN THỊ	THỊNH	DH08BQ				8,5	37	6,2	6	2
74	08125192	DOÃN THỊ HỒNG	THƯ	DH08BQ				7,5	45	8,0	8	0
75	09148160	NÔNG THỊ LỆ	THU	DH09DD				7,5	31	6,0	6	0
76	09148161	NGUYỄN THỊ NGỌC	THUẦN	DH09DD				9,5	32	6,0	6	0
77	09125171	LÊ THỊ	THÚY	DH09BQ				8	34	6,2	6	2
78	08156085	LÊ THỊ THANH	THÚY	DH08VT				7,2	43	7,5	7	5
79	08125197	NGUYỄN THỊ	THÚY	DH08BQ				7,6	49	8,5	8	5
80	08125201	NGUYỄN THỊ	THƯƠNG	DH08BQ				8,8	40	7,8	7	8
81	09125176	TRẦN QUANG	TIẾN	DH09BQ				8,0	38	6,8	6	8
82	09125177	VÕ ĐÌNH	TÍN	DH09BQ				8,0	38	6,8	6	8
83	08125206	NGUYỄN THANH	TOÀN	DH08BQ				7,5	50	8,5	8	5
84	09148174	VŨ THỊ KIM	TRANG	DH09DD				6,9	31	6,0	6	0
85	09125188	TRẦN THỊ MỸ	TRINH	DH09BQ				7,7	38	6,5	6	5
86	08125219	NGUYỄN VĂN	TRUNG	DH08BQ				7,0	45	7,5	7	5
87	09125204	TRƯƠNG CẨM	TÚ	DH09BQ				9,1	44	7,5	7	5
88	08125223	TỐ ANH	TUẤN	DH08BQ				7,6	34	5,5	5	5
89	08125227	DƯƠNG BÁ	TÙNG	DH08BQ				9,1	19	4,0	4	0
90	08125226	LƯU HỒNG	TUYẾN	DH08BQ				7,7	48	8,5	8	5

Số bài: 90 ..., Số tờ: .....

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2; Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày tháng năm

Trương Thanh Long

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 02208

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 11-12

Môn Học : Công nghệ chế biến và BQ sữa (210330) - Số Tín Chỉ: 3 Ngày Thi : 29/11/2011 Giờ thi: 09g30 - phút Phòng thi TV201 Nhóm Thi : Nhóm 01 - Tổ 001 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (%)	Đ2 (%)	Điểm thi (%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
91	08125234	NGUYỄN THỊ HỒNG	VÂN	DH08BQ								
92	09148193	VÕ THỊ CẨM	VÂN	DH09DD				3,6	4,4	8,0	8	0
93	09156113	VÕ CÔNG	VIỆN	DH09VT						8,3	8	3
94	09125211	LÊ QUANG	VINH	DH09BQ				3,4	4,6	8,0	8	0
95	08125240	TÔ NHÃ	VY	DH08BQ				3,5	4,5	8,0	8	0
96	09125215	LÊ THỊ YẾN	XUÂN	DH09BQ				2,8	3,7	6,5	6	5
97	08125243	DOÃN THỊ KIM	YẾN	DH08BQ				2,6	2,4	5,0	5	0

Số bài: 97 Số tờ:.....

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2; Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

Cán bộ coi thi 1&2

Đ.T.N.Diệp

Trần Vũ Huy

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Hồ Thị Nguyệt Thu

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày tháng năm

Trương Thanh Long